



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10859/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4335.NT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Nước thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4335.NT7: "Tại hồ ga tập trung trước khi thải ra môi trường X: 1209543,0 ; Y: 397213,0"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.4335.NT7	Cột A-Cmax
1	Độ màu ^(b)	Pt/Co	SMEWW 2120C:2023	KPH (LOD=5)	50
2	BOD ₅ (20°C) ^(b)	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5	36
3	Asen (As) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,06
4	Cadimi (Cd) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,0002)	0,06
5	Thủy ngân (Hg) ^(b)	mg/L	SMEWW 3112B:2023	KPH (LOD=0,0003)	0,006
6	Chì (Pb) ^(b)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,002)	0,12
7	Clorua (Cl ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2023	118,2	600
8	Xyanua (CN ⁻) ^(b)	mg/L	SMEWW 4500-CN ⁻ .C&E:2023	KPH (LOD=0,002)	0,084
9	Tổng phenol ^(b)	mg/L	TCVN 6216:1996	KPH (LOD=0,003)	0,12
10	Tổng Nito ^(b)	mg/L	TCVN 6638:2000	10,2	24



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 40:2011/BTNMT
				25.4335.NT7	Cột A-Cmax
11	Tổng Photpho ^(b)	mg/L	TCVN 6202:2008	0,32	4,8
12	Tổng Coliform ^(b)	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	78	3.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp
3. Cột A: Quy định giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt ($C_{max}=C \cdot K_q \cdot K_f$, trong đó $K_q=1,2$ và $K_f=1,0$); 3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiện





VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10717/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT1: "KT01: Sau hệ thống xử lý bụi số 1
công đoạn phối trộn nguyên liệu tại xưởng F9
nguồn số 01 và nguồn số 02.
Tọa độ: X:1209317.1; Y:396868.2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4265.KT1	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.488	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,19	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	28	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	8,9	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10718/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT2: "KT02: Sau hệ thống xử lý bụi số 2 công đoạn trộn cao su tại xưởng F9 nguồn số 03.
Tọa độ: X:1209427.1; Y:396860.2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4265.KT2	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	7.333	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,05	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	13,4	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10722/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT6
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT6: "KT3: Sau hệ thống xử lý bụi số 3
công đoạn mài tại xưởng F12 nguồn số 4.
Tọa độ: X:1209429,1; Y: 297000,2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4265.KT6	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	20.202	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,09	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	37	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	22,8	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10821/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4312.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4312.KT1: "KT04: : Sau hệ thống xử lý bụi số 4
công đoạn đánh mòn tại xưởng F14 nguồn số 05.
Tọa độ: X:1209459,1; Y:3970071,2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4312.KT1	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	9.333	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,14	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	18,7	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10822/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4312.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4312.KT2: "KT05: Sau hệ thống xử lý bụi số 5 công
đoạn xít keo tại xưởng F14 nguồn số 06.
Tọa độ: X: 1209453,1; Y:397057,2. "

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4312.KT2	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	15.294	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,09	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	20,3	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10723/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT7: "KT06: Sau hệ thống xử lý bụi số 6 công
đoạn đánh mòn tại xưởng NID (NYB) gồm nguồn số 07
và nguồn số 08. Tọa độ: X:1209500.1; Y:397000.2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4265.KT7	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.041	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,21	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	18,1	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10720/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT4: "KT7: Sau hệ thống xử lý bụi số 7 công
đoạn xít keo tại xưởng F13 nguồn số 09.
Tọa độ: X: 1209389,1; Y:397046,2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4265.KT4	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.180	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,18	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	32	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	12,7	96

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



Số PKQ: 10814/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT1: "KT8: Sau hệ thống xử lý bụi số 8
công đoạn xịt keo tại xưởng F15 (65K) nguồn số 10.
Tọa độ: X: 1209465,1; Y= 397028,2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4288.KT1	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	874	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	13,7	96
3	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,07	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	34	-

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10815/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT2: "KT9: Sau hệ thống xử lý bụi sơn số 1
công đoạn xịt sơn tại xưởng F22 gồm nguồn số 11,
nguồn số 12, nguồn số 13 và nguồn số 14.
Tọa độ: X: 1209502,1; Y: 397092,2."

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4288.KT2	Cột B-Cmax	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	30.240	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	19,8	96	-
3	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.007,94	-	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
5	Cyclohexanon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	400
6	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	1.400

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 10816/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT3: "KT10: Sau hệ thống xử lý bụi sơn số 2
công đoạn xịt sơn tại xưởng F22 gồm nguồn số 15,
nguồn số 16, nguồn số 17 và nguồn số 18.
Tọa độ: X:1209505,1; Y: 3987115,2 "

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4288.KT3	Cột B-Cmax	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	18.152	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	24,7	96	-
3	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.007,97	-	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	36	-	-
5	Cyclohexanon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	400
6	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	1.400

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 (Cmax=C*Kp*Kv trong đó Kp=0,8 và Kv=0,6);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên



Số PKQ: 10817/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT4: "KT11: Sau hệ thống xử lý bụi sơn số 3
công đoạn xịt sơn tại xưởng F22 gồm nguồn số 19,
nguồn số 20, nguồn số 21 và nguồn số 22.
Tọa độ: X: 1209505,1; Y: 397130,2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4288.KT4	Cột B-Cmax	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	39.481	-	-
2	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	19,9	96	-
3	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.007,99	-	-
4	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	35	-	-
5	Cyclohexanon ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	-	400
6	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,828	-	1.400

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ
- Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 10849/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4335.KT2
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4335.KT2: "KT12: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 1 công đoạn dán keo gốc dầu số 1 tại xưởng F2
nguồn số 23 Tọa độ: X:1209208,1 ; Y:396595,3"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4335.KT2	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.350	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,375	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10850/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4335.KT3
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4335.KT3: "KT13: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 2 công đoạn dán keo gốc dầu số 2 tại xưởng F2
nguồn số 24 Tọa độ: X:1209219,7; Y:396624,1"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4335.KT3	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.296	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 10848/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4335.KT1
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4335.KT1: "KT14: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 3 công đoạn dán keo gốc dầu số 3 tại xưởng F3
nguồn số 25 Tọa độ: X:120923,7 ; Y:396631,7"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4335.KT1	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.427	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10851/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4335.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, Việt Nam Loại mẫu : Khí thải
Vị trí lấy mẫu : 25.4335.KT4: "KT15: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 4 công đoạn dán keo gốc dầu số 4 tại xưởng F4
nguồn số 26 Tọa độ: X:1209224,1; Y:396702,7"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4335.KT4	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.518	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,467	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10852/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4335.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 06/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4335.KT5: "KT16: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 5 công đoạn dán keo gốc dầu số 5 tại xưởng F5,
nguồn số 27 Tọa độ: X:1209242,7; Y:396708,6"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4335.KT5	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	5.620	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,286	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
3. KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiển



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đồng Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10825/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4312.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4312.KT5: "KT17: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 6 công đoạn dán keo gốc dầu số 6 tại xưởng F6
nguồn số 28 Tọa độ: X:1209232,6; Y:396770,2"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4312.KT4	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	6.712	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

KS. Trần Thị Phương Linh

Trưởng phòng PTN

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

Giám đốc



TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10719/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT3: "KT18: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 7 công đoạn dán keo gốc dầu số 7 tại xưởng F13
nguồn số 29 Tọa độ: X:1209410,7; Y:397016,4"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4265.KT3	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.790	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,283	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 10818/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT5
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT5: "KT19: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 8 công đoạn dán keo gốc dầu số 8 tại xưởng F15 (65K)
nguồn số 30 Tọa độ: X: 1209480,5; Y: 397070,6"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4288.KT5	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.560	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,285	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiền



Số PKQ: 10819/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT6
----------------------------------	---	------------------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT6: "KT20: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 9 công đoạn dán keo gốc dầu số 1 tại xưởng F2
nguồn số 31, nguồn số 32 và nguồn số 33
Tọa độ: X:1209505,4; Y:397116,4"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4288.KT6	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	16.239	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10824/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4312.KT4
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4312.KT4: "KT21: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 10 công đoạn dẫn keo gốc dầu số 10 tại xưởng FRC 1
(xưởng C) nguồn số 34
Tọa độ: X:1209273,1; Y:396770,3"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4312.KT4	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.153	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiên



Số PKQ: 10823/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4312.KT3
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 05/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4312.KT3: "KT22: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 11 công đoạn dán keo gốc dầu số 11 tại xưởng FRC2
(xưởng D) nguồn số 354
Tọa độ: X:1209262,6; Y:396865,3"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4312.KT3	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	1.299	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	0,288	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc



KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh

TS. Nguyễn Như Hiến



Số PKQ: 10820/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4288.KT7
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 04/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4288.KT7: "KT23: Sau hệ thống xử lý hơi dung môi
số 12 công đoạn dán keo gốc số 12 tại xưởng NID
(NYB) nguồn số 36. Tọa độ: X:1209534,9; Y:396957,0"

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
				25.4288.KT7	Nồng độ tối đa
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	4.329	-
2	Etyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	1.400
3	Metyl axetat ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	610
4	Metyl cyclohexan ^(b)	mg/Nm ³	CEN/TS 13649:2014	KPH (LOD=0,25)	2.000

Ghi chú:

- (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
- QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp;
- Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
- Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiến



VIỆN MÔI TRƯỜNG & TÀI NGUYÊN
TRUNG TÂM CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG
PTN PHÂN TÍCH & KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ
(VIMCERTS 077)

Trụ sở chính: 142 Tô Hiến Thành, P. Diên Hồng, Tp.HCM
Địa chỉ PTN: Khu đô thị Đại Học Quốc Gia,
P. Đông Hòa, Tp. HCM
Tel: 028.2252.4567 - Hotline: 0799435426
Email: ketquacefinea@gmail.com

Số PKQ: 10721/2025/PKQ	PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT	Kí hiệu mẫu: 25.4265.KT5
---------------------------	---	-----------------------------

Tên khách hàng : **CÔNG TY TNHH POU CHEN VIỆT NAM** Ngày lấy mẫu : 03/11/2025
Địa chỉ : Đường Nguyễn Ái Quốc, KP Hòa An, phường Biên Hòa, Loại mẫu : Khí thải
tỉnh Đồng Nai, Việt Nam
Vị trí lấy mẫu : 25.4265.KT5: "KT24: Sau hệ thống xử lý bụi số 9 công
đoạn xịt keo tại xưởng F15 (65K) gồm nguồn số 37.
Tọa độ: X:1209792,03,Y: 397027.17 "

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả	QCVN 19:2009/BTNMT
				25.4265.KT5	Cột B-Cmax
1	Lưu lượng ^(b)	m ³ /h	US EPA 02	2.089	-
2	Áp suất ^(b)	hPa	QTKT.01/LAET	1.008,14	-
3	Nhiệt độ ^(b)	°C	QTKT.01/LAET	31	-
4	Bụi tổng (PM) ^(b)	mg/Nm ³	US EPA 05	10,2	96

Ghi chú:

1. (b)- Thông số đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường công nhận (Số hiệu VIMCERTS 077);
2. QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
3. Cột B: Nồng độ của Bụi và các chất vô cơ làm cơ sở tính giá trị tối đa cho phép trong khí thải công nghiệp đối với: Các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh, dịch vụ công nghiệp với thời gian áp dụng từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 ($C_{max}=C*K_p*K_v$ trong đó $K_p=0,8$ và $K_v=0,6$);
4. Thông tin tên khách hàng và mẫu thử được ghi trên phiếu kết quả này theo yêu cầu khách hàng;
5. Các kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/tại thời điểm đo;
6. Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả đối với mẫu đất, nước, bùn, chất thải, không lưu đối với mẫu khí, vi sinh;
7. Không được trích sao một phần hoặc toàn bộ phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý của Trung tâm Công nghệ Môi trường.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 11 năm 2025

Phụ trách kỹ thuật

Trưởng phòng PTN

Giám đốc

KS. Trần Thị Phương Linh

ThS. Phan Thị Hoài Trinh



TS. Nguyễn Như Hiên